

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **04/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	Nội dung giao dịch	Số giao dịch	Ghi nợ	Ghi có	Số dư
<i>Txn. date</i>	<i>Value date</i>	<i>Description</i>	<i>Txn. No</i>	<i>Debit</i>	<i>Credit</i>	<i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				1,084,212,469.00		
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI CONG MSV:392520; NGAY SINH:15/09/1996; LOP:3925-KHOA 39, NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160920001		2,160,000.00	1,086,372,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BUI THI PHUONG MSSV:371347 NOP HOC PHI	102NT01160920002		1,800,000.00	1,088,172,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI THUY MSSV 382331 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160920004		2,700,000.00	1,090,872,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HO THI THUY LINH MSSV 372359 NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016	102NT01160920003		1,800,000.00	1,092,672,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HOANG THI LIEN MSV:391719; NGAY SINH:23/09/1995; LOP:3917-KHOA 39; NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160920004		4,320,000.00	1,096,992,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI KIM NGAN MSSV: 372319 NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	102NT01160920004		1,800,000.00	1,098,792,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN PHUONG UYEN MSSV 381661 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160920008		3,420,000.00	1,102,212,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN THI THANH HOA MSSV 382858 NT HOC PHI	120NT01160920005		3,240,000.00	1,105,452,469.00
01/04/2016	01/04/2016	QUACH THI HIEN MSSV 391913 NT HOC PHI	120NT01160920009		3,600,000.00	1,109,052,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN XUAN PHUONG MSSV:372558 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160920010		1,800,000.00	1,110,852,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DAO THANH HUYEN NOP TIEN HOC PHI KY II N;AM 2015-2016 MSSV:350460 SINH VIEN: DAO THANH HUYEN	115CT01160920001		1,500,000.00	1,112,352,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VU THI THU HANG MSV: 372428 NT HP	120NT01160920013		1,800,000.00	1,114,152,469.00

		392264 NT HP KII 2015-2016				
01/04/2016	01/04/2016	VU THUY MAI MSV: 392263 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920016		2,880,000.00	1,122,792,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI PHUONG HOA MSV: 392469 NT HP	120NT01160920017		360,000.00	1,123,152,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI NHAT TAN MSV: 372807 NT HP	120NT01160920018		2,160,000.00	1,125,312,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA THI THUY MSV: 372808 NT HP	120NT01160920019		1,800,000.00	1,127,112,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DANG SON HAI MSV: 390848 NT HP	120NT01160920020		3,420,000.00	1,130,532,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VU HONG LOAN MSV: 370473 NT HP	120NT01160920021		900,000.00	1,131,432,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM THI NGUYET MSV: 370155 NT HP	120NT01160920022		1,260,000.00	1,132,692,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NONG THI YEN MSV: 371906 NT HP	120NT01160920023		540,000.00	1,133,232,469.00
01/04/2016	01/04/2016	THANG QUANG NGOC MSV: 372763 NT HP KII NAM 4	120NT01160920024		1,800,000.00	1,135,032,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DUONG THI THAI MSV: 371441 NT HP	120NT01160920025		1,800,000.00	1,136,832,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGO THI NGOC ANH MSV: 372811 NT HP	120NT01160920026		1,800,000.00	1,138,632,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TO MINH HUYEN MSV: 392270 NT HP	120NT01160920027		8,170,000.00	1,146,802,469.00
01/04/2016	01/04/2016	CHU HOAI THUONG MSV: 391867 NT HP	120NT01160920028		2,880,000.00	1,149,682,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRINH THE HUNG MSV: 372025 NT HP	120NT01160920029		1,980,000.00	1,151,662,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA THI THU HA MSV 372046 NT HP	120NT01160920030		360,000.00	1,152,022,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BUI CHINH TAM MSSV 382718 NOP TIEN HOC	120NT01160920031		2,700,000.00	1,154,722,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN THI VIET TRINH MSSV 372127 NOP HOC PHI	120NT01160920032		1,800,000.00	1,156,522,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DO THI BICH MSSV 351118 NT HOC PHI	120NT01160920034		1,260,000.00	1,157,782,469.00
01/04/2016	01/04/2016	CHUYEN TIEP NH TMCP BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO-HA TRINH PHUONG THAO, MSSV 380165~NC:TRINH PHUONG NGAN - Nguoi chuyen: TRINH PHUONG NGAN	001CTD1160920329		3,420,000.00	1,161,202,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HOANG THI QUYNH TRANG MSSV 392910 LOP 3929 NT HOC PHI HOC KKI 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01160920035		3,060,000.00	1,164,262,469.00
01/04/2016	01/04/2016	Nop hoc phi Sinh vien Mai Thanh Bach, ma sinh vien 382702~NC:Quach Thi Hong - Nguoi chuyen: Quach Thi Hong	001CTD1160920383		2,700,000.00	1,166,962,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN HIEN ANH MSSV: 381459 NOP HOC PHI KY 2 NAM 3: 180X17 TIN CHI=3.060.000VND	114NT01160920023		3,060,000.00	1,170,022,469.00
01/04/2016	01/04/2016	Pham Hong Ngoc 371324 nop tien hoc phi~NC:Pham Hong Ngoc - Nguoi chuyen: Pham Hong Ngoc	001CTD1160920464		1,620,000.00	1,171,642,469.00

01/04/2016	01/04/2016	TRINH THI LAI MSSV 391826 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160920063		3,240,000.00	1,177,882,469.00
01/04/2016	01/04/2016	CAM THI THUYNT HOC PHI MSSV:370819 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET -CN DONG DO~NC:CAM THI THUY - Nguoi chuyen: CAM THI THUY	001CTD1160920491		540,000.00	1,178,222,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI KHANH HANG MSSV: 371131 LOP 3711 KHOA 37 NOP HOC PHI KI II NAM 2015-2016	113NT01160920011		1,800,000.00	1,180,022,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI THU MSSV 370331 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160920010		1,440,000.00	1,181,462,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DANG THI TAM MSSV 371153 NOP HOC PHI KY II (2016-2017)	103NT01160920012		1,980,000.00	1,183,442,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VAN THUY LINH MSSV 372766 NT HOC PHI	120NT01160920040		1,800,000.00	1,185,242,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM DIEU HUONG MSSV 391369 NT HOC PHI	120NT01160920041		2,520,000.00	1,187,762,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HOANG THI KIM ANH MSSV 380463 NT HOC	120NT01160920042		3,420,000.00	1,191,182,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI THANH HANG MSSV 372760 NT HOC PHI	120NT01160920043		1,800,000.00	1,192,982,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DO THI QUYNH HOA MSSV 390668 NT HOC	120NT01160920044		3,600,000.00	1,196,582,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI DIEU QUYEN MSV 382208 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920046		3,240,000.00	1,199,822,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN VU DUC MSV: 372862 NT HP	120NT01160920047		1,800,000.00	1,201,622,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN TRAM ANH MSV 382139 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920048		3,240,000.00	1,204,862,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN SON HAI MSV 382645 NT HOC PHI KY 2 2015-2016	120NT01160920049		2,700,000.00	1,207,562,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN QUYNH ANH MSSV 371475 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920050		1,800,000.00	1,209,362,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA KIEU ANH MSV 372211 NT HOC PHI	120NT01160920051		1,800,000.00	1,211,162,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VY THI KIEU DIEM MSV: 391407 NT HP	120NT01160920052		3,240,000.00	1,214,402,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN DIEU QUYNH MSV 372212 NT HOC PHI	120NT01160920053		1,800,000.00	1,216,202,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DUONG THI LANH MSV: 391410 NT HP	120NT01160920054		2,880,000.00	1,219,082,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI LAN MSV: 382414 NT HP	120NT01160920055		2,700,000.00	1,221,782,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HO THI NGOC ANH MSV: 372533 NT HP K II 2015-2016	120NT01160920056		1,800,000.00	1,223,582,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN THI THUY LINH MSV: 381458 NT HP	120NT01160920057		3,060,000.00	1,226,642,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA THI THU TRANG MSV: 390753 NT HP	120NT01160920058		2,520,000.00	1,229,162,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BE HUYEN TRANG MSV: 380609 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920059		3,420,000.00	1,232,582,469.00
01/04/2016	01/04/2016	MAI LINH CHI MSV: 382814 NT HP	120NT01160920060		2,700,000.00	1,235,282,469.00

		382474 NT HP				
01/04/2016	01/04/2016	VUONG ANH TU MSV: 372459 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920063		2,340,000.00	1,242,122,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DAO VAN LUONG MSV: 392604 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920064		2,160,000.00	1,244,282,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BUI THI HA MSSV 402348 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920067		4,860,000.00	1,249,142,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGO QUANG NGOC NT HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 MSSV 371817	105NT01160920018		360,000.00	1,249,502,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM VU NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 MA SV 371832	105NT01160920019		720,000.00	1,250,222,469.00
02/04/2016	02/04/2016	HA THI PHUONG LINH MSV 381315 NT HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01160930002		3,420,000.00	1,253,642,469.00
02/04/2016	02/04/2016	PHAM THI PHUONG ANH MSV 381320 NT HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01160930003		3,600,000.00	1,257,242,469.00
02/04/2016	02/04/2016	NGUYEN THANH LOAN MSV: 372325 NT HP	120NT01160930005		1,800,000.00	1,259,042,469.00
02/04/2016	02/04/2016	VU THI CHA LY MSV: 391606 NT HP	120NT01160930006		3,240,000.00	1,262,282,469.00
02/04/2016	02/04/2016	TRAN TRUNG KIEN MSSV 390566 NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01160930003		2,520,000.00	1,264,802,469.00
02/04/2016	02/04/2016	PHUNG MANH CUONG MSV: 382508 NT HP	120NT01160930010		2,700,000.00	1,267,502,469.00
Cộng doanh số Total					183,290,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,267,502,469.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **04/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	Nội dung giao dịch	Số giao dịch	Ghi nợ	Ghi có	Số dư
<i>Txn. date</i>	<i>Value date</i>	<i>Description</i>	<i>Txn. No</i>	<i>Debit</i>	<i>Credit</i>	<i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				632,907,610.00		
28/03/2016	28/03/2016	NGO THI DUYEN MSSV 390659 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	320NT02160880001		3,600,000.00	636,507,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LE THI LAN ANH MSSV 380732 NOP HOC PHI	120NT01160880003		3,420,000.00	639,927,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DO THI HUONG GIANG MSSV 390102 LOP 3901 NOP TIEN HOC	120NT01160880004		3,600,000.00	643,527,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DO THI LOAN MSSV 371855 NOP HOC PHI KI II	120NT01160880005		1,620,000.00	645,147,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN SY SON MSV:391929, LOP 19-KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160880003		3,060,000.00	648,207,610.00
28/03/2016	28/03/2016	Chuyen tien nap hoc phi ky II nam hoc 2015-2016 cho sinh vien Tong Khanh Linh Khoa 39, Ma sinh vien 392213 truong dai hoc luat ha noi~NC:TONG DUC THANG - Nguoi chuyen: TONG DUC THANG	001CTD1160880038		3,060,000.00	651,267,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI HUONG MSSV 371417 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880004		2,880,000.00	654,147,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VU THI HAI YEN MSSV 371647 NT HOC KY 2 NAM HOC 2016-2017	105NT01160880008		1,080,000.00	655,227,610.00
28/03/2016	28/03/2016	MAI HUYEN TRANG MSV: 390238 NOP HP	120NT01160880007		3,600,000.00	658,827,610.00
28/03/2016	28/03/2016	PHUNG THI NGOC ANH MS 370839 NOP HOC PHI KY 2/2016	250NT02160880001		540,000.00	659,367,610.00
28/03/2016	28/03/2016	HOANG DIEU MY NOP HOC PHI HOC II NAM HOC 2015-2016 MA SV 372858 LOP 28 KHOA 37	112NT01160880004		1,800,000.00	661,167,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DANG THANH NHAT MSV:380243 NOP HP	120NT01160880010		3,420,000.00	664,587,610.00

28/03/2016	28/03/2016	NGO LE MY LINH NT HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016 HO VA TEN NGO LE MY LINH , MA SO SINH VIEN 382244 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HN	100NT01160880010		3,240,000.00	669,987,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DAO THI THANH HUONG MSSV 370769 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880011		1,260,000.00	671,247,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI NHUNG MSSV 392441 NT HOC	120NT01160880013		2,880,000.00	674,127,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LU DINH THU THUY MSV 390958 NT HOC PHI	120NT01160880014		2,880,000.00	677,007,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI NGOC ANH MSSV 371051 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880009		1,800,000.00	678,807,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI THU HA MSSV 370266 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880010		1,620,000.00	680,427,610.00
28/03/2016	28/03/2016	MAI QUYNH MAI MSSV 390241 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880011		3,600,000.00	684,027,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DO VIET ANH.MSSV: 382248	120NT01160880015		3,240,000.00	687,267,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LE THI THU.MSSV:372338	120NT01160880016		1,800,000.00	689,067,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TRINH QUYNH TRANG.MSSV:390352 NOP HOC PHI	120NT01160880018		3,600,000.00	692,667,610.00
28/03/2016	28/03/2016	BUI TRUONG SON.MSSV:381743.NOP TIEN HOC	120NT01160880020		3,630,000.00	696,297,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI PHUONG MSV: 381627	120NT01160880023		3,600,000.00	699,897,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LE THI LAM MSV: 371744 NOP HP	120NT01160880024		900,000.00	700,797,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TRAN THI NHAN MSV: 371159 NOP HP	120NT01160880025		2,340,000.00	703,137,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LE THI THU. MSSV: 371953.NOP TIEN HOC	120NT01160880026		1,440,000.00	704,577,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VAN THI TO UYEN. MSSV:392456.NOP TIEN HOC	120NT01160880027		2,160,000.00	706,737,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VU KHAC LAM.MSSV: 371656.LOP 3716.K37 NT:HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01160880028		2,520,000.00	709,257,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN ANH DUNG.MSSV: 370937	120NT01160880029		540,000.00	709,797,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI HUE.MSSV: 391326.NOP TIEN HOC	120NT01160880030		2,880,000.00	712,677,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DO THI MINH THU.MSSV: 382742.NOP TIEN HOC	120NT01160880031		2,700,000.00	715,377,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THANH TAM.MSSV: 380135.NOP HOC PHI	120NT01160880032		540,000.00	715,917,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DUONG THI THANH HUONG DONG HOC PHI KI II-MSSV:391010	120NT01160880033		3,420,000.00	719,337,610.00
28/03/2016	28/03/2016	PHAM THU HA MY.MSSV: 382119 NOP HOC PHI	120NT01160880034		3,240,000.00	722,577,610.00
28/03/2016	28/03/2016	Sinh vien : Nguyen Duy Thai 371645 nop tien hoc phi ky 2~NC:NGUYEN DUY THAI - Nguoi chuyen: NGUYEN DUY THAI	001CTD1160880332		1,650,000.00	724,227,610.00

28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN DUY KHANH MSSV 390433 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160880014		3,780,000.00	729,447,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NINH VIET HOANG.MSSV:371468	120NT01160880038		1,260,000.00	730,707,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI HOAI THUONG.MSSV:370552.LOP 3705.NOP HOC PHI	120NT01160880039		1,260,000.00	731,967,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DANG VU THUY LINH MSV 372758 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880041		1,800,000.00	733,767,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN DANG KHANH LY MSSV 370834 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880042		1,260,000.00	735,027,610.00
28/03/2016	28/03/2016	155_VU MINH NGOC MSV 390749 CT HOC PHI~NC:VU MINH NGOC - Nguoi chuyen: VU MINH NGOC	001CTD1160880426		2,520,000.00	737,547,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LUONG MINH HANG MSSV 370470 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160880016		1,440,000.00	738,987,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DAO THI HAI TRANG-MSV 390147 NOP HP KY 2 NAM 2015-2016~NC:NGUYEN THI THAI KIEU-0979668503 - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THAI KIEU-0979668503	001CTD1160880598		3,600,000.00	742,587,610.00
28/03/2016	28/03/2016	CAO LE THU MSSV 381633 NOP HP	121NT01160880004		3,420,000.00	746,007,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TONG THI PHUONG MSSV 390718 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160880017		2,880,000.00	748,887,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THANH MAI MSSV 380815 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880018		2,700,000.00	751,587,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI QUYNH MAI MSSV: 372102 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	105NT01160880054		1,800,000.00	753,387,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TRAN KHANH LAM MSV 382127 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880046		3,330,000.00	756,717,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI HUONG MSV 390852 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880047		3,420,000.00	760,137,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LE THI THUY HA MSSV 372030 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880048		1,080,000.00	761,217,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DANG KIEU ANH MSSV 371670 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880049		900,000.00	762,117,610.00
28/03/2016	28/03/2016	CHU HOANG HAI MA SV 382233 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880050		3,240,000.00	765,357,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VU THI NGOC ANH MSSV 382307 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880051		3,240,000.00	768,597,610.00
28/03/2016	28/03/2016	HOANG THI HUONG GIANG.MSSV: 391759.NOP HOC PHI	120NT01160880052		3,600,000.00	772,197,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LUONG THI SEN.MSSV: 390447. NOP HOC PHI	120NT01160880053		2,880,000.00	775,077,610.00

		LAN-MSSV:393004.NOP HOC PHI				
28/03/2016	28/03/2016	PHAM HUYEN TRANG MSV 380627	120NT01160880056		3,420,000.00	785,157,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN QUANG VINH.MSSV: 391723 NOP HOC PHI	120NT01160880057		3,780,000.00	788,937,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI BAO LINH MSV 380424	120NT01160880058		3,420,000.00	792,357,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI CHAM MSV 371955	120NT01160880061		1,800,000.00	794,157,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI THUY TRANG MSV 372642	120NT01160880062		1,800,000.00	795,957,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI THU HANG MSV 370358	120NT01160880063		1,800,000.00	797,757,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DO MANH CUONG MSV 371628	120NT01160880064		3,060,000.00	800,817,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI TUYET MSV 381527	120NT01160880065		3,600,000.00	804,417,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VUONG QUOC CUONG MSV 371637	120NT01160880066		1,800,000.00	806,217,610.00
28/03/2016	28/03/2016	HOANG THI THAO MSV 371635	120NT01160880067		540,000.00	806,757,610.00
28/03/2016	28/03/2016	BE THI THU HOAI MSV 371638	120NT01160880068		900,000.00	807,657,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI THUY DUONG MSV 372635 NT	120NT01160880069		1,800,000.00	809,457,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DINH TRAN THANH XUAN MSV 370414 NT	120NT01160880070		900,000.00	810,357,610.00
28/03/2016	28/03/2016	PHAN THI LE GIANG MSV 370553	120NT01160880071		1,800,000.00	812,157,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TRAN VAN THAO MSV 371027	120NT01160880072		1,440,000.00	813,597,610.00
28/03/2016	28/03/2016	PHAN THI NGOC ANH MSSV 372819 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880024		1,800,000.00	815,397,610.00
28/03/2016	28/03/2016	CT THU HP SV VE KHO BAC TU NGAY 21/3 DEN 26/03/2016	120CT05160880002	432,955,000.00		382,442,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VU LAN PHUONG MSV 392554	120NT01160880075		2,160,000.00	384,602,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VUONG HOANG MAI MSV 380357	120NT01160880077		3,240,000.00	387,842,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGO MY HUYEN MSV 391564 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880078		2,520,000.00	390,362,610.00
28/03/2016	28/03/2016	LONG THI PHUONG THU 382207 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880079		3,240,000.00	393,602,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DONG THI HONG MSSV 390131 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880080		3,060,000.00	396,662,610.00
28/03/2016	28/03/2016	VU THUY DUNG.MSSV: 382223.NOP HOC PHI	120NT01160880081		3,240,000.00	399,902,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THANH HANG MSV 390260 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880083		2,880,000.00	402,782,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DO THI DOAN NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015 - 2016 MSSV: 390258 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160880008		2,880,000.00	405,662,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TRAN THI LEN. MSSV:390959.NOP HOC PHI	120NT01160880084		3,420,000.00	409,082,610.00

		THI TAM, MA SINH VIEN.37/2302				
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN THI NGOC HAO.MA SO SV: 391554.NOP HOC PHI KI 2 2015-2016	120NT01160880085		3,240,000.00	414,122,610.00
28/03/2016	28/03/2016	DINH NGOC THU HA.MSSV:392335 NOP HOC PHI	120NT01160880087		2,880,000.00	417,002,610.00
28/03/2016	28/03/2016	TRAN THI HUYEN MSSV 392834 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160880088		2,160,000.00	419,162,610.00
28/03/2016	28/03/2016	NGUYEN VAN CHINH MSSV 382624 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160880026		2,700,000.00	421,862,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRAN THANH SON MSV:381166 LOP 3811 NT HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	124NT01160890001		3,420,000.00	425,282,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NOP HOC PHI KYII NAM 2015-2016 CHO SV : DANG THI BICH NGOC MASV : 390324 LOP 3903 NHAN TAI CN DONG DO - HA NOI-NC:NGUYEN THI HONG THAM - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HONG THAM	001CTD1160890083		2,880,000.00	428,162,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HO VA TEN: NGUYEN THU TRANG MSSV: 392224 NOP TIEN HOC KI II-2016 3.600.000 VND	113NT01160890004		3,600,000.00	431,762,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI MAI NGA MSSV 380423 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160890003		3,600,000.00	435,362,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HO VA TEN SV NGUYEN THI THUY LINH , MSV: 382156~NC:DO THI HUONG - Nguoi chuyen: DO THI HUONG	001CTD1160890147		3,240,000.00	438,602,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI NHUNG MSV: 392054 NT HP	120NT01160890002		3,240,000.00	441,842,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRAN HUONG GIANG MSV: 382238 NT HP	120NT01160890003		3,250,000.00	445,092,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DAM THU THAO MSV: 381513 NT HP KY II, 2015-2016	120NT01160890004		3,600,000.00	448,692,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI MAI HUYEN MSV: 382123 NT HP	120NT01160890006		3,240,000.00	451,932,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THI NGA MSSV 391255 NT HOC PHI	120NT01160890008		2,700,000.00	454,632,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI THANH THANH MSSV 390533 NT HOC PHI	120NT01160890009		2,880,000.00	457,512,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN QUYNH ANH MSSV 392076 NT HOC PHI	120NT01160890010		3,600,000.00	461,112,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRAN THI MAI MSSV 392050 LOP 3920 KHOA 39 NT HOC KY II	120NT01160890011		3,600,000.00	464,712,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DOAN THU HUYEN MSV 382641 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890012		2,700,000.00	467,412,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGO THI THAO LIEN MSSV 391506 LOP 3915 KHOA 39 NT HOC KI II NAM HOC 2016-2017	120NT01160890013		2,520,000.00	469,932,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN TO HAO MSSV 382115 NT HOC	120NT01160890014		3,240,000.00	473,172,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM HUY HOANG MSSV 381536 LOP 3815 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890015		3,600,000.00	476,772,610.00

		NT				
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN ANH HOANG MSSV 382471 NT HOC	120NT01160890018		2,700,000.00	485,412,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THI HOAN MSSV 392057 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890019		3,240,000.00	488,652,610.00
29/03/2016	29/03/2016	Nguyen Thi Thu Thao, ma sinh vien 382407 nop hoc phi~NC:Nguyen Thi Thu Thao - Nguoi chuyen: Nguyen Thi Thu Thao	001CTD1160890177		2,700,000.00	491,352,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRIEU THI HIEN MSV 372716	120NT01160890020		1,800,000.00	493,152,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HA HAI YEN NHUNG MSSV 372503 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160890004		1,800,000.00	494,952,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HOANG THI KIM NHUNG NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016 MSSV: 390908	102NT01160890003		14,040,000.00	508,992,610.00
29/03/2016	29/03/2016	BUI THI BICH KHAI MSV: 381708 NT HP	120NT01160890021		3,600,000.00	512,592,610.00
29/03/2016	29/03/2016	LUONG THI HUONG MSV: 390113 NT HP	120NT01160890022		3,250,000.00	515,842,610.00
29/03/2016	29/03/2016	BUI THU THAO MSV: 370938 NT HP	120NT01160890023		1,440,000.00	517,282,610.00
29/03/2016	29/03/2016	KHUONG THI YEN MSSV 371965 NOP HOC PHI	120NT01160890025		2,880,000.00	520,162,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NONG THI HANG MSSV 370408 NT HOC PHI	120NT01160890026		2,520,000.00	522,682,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAN THI NINH MSSV 372843 NT HOC PHI	120NT01160890027		1,800,000.00	524,482,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DOAN THU HUYEN MSV 382368 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890028		2,700,000.00	527,182,610.00
29/03/2016	29/03/2016	VU THI MY DUYEN MSSV 372829 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890029		1,800,000.00	528,982,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DUONG THI HONG NHUNG MSV 371755 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890030		2,520,000.00	531,502,610.00
29/03/2016	29/03/2016	VU THI BUOI MSV 371754 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890031		1,620,000.00	533,122,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HOANG THU HUONG MSSV 370575 NT HOC PHI	120NT01160890032		540,000.00	533,662,610.00
29/03/2016	29/03/2016	VU QUOC DAT.MSSV: 391663. NOP HOC PHI	120NT01160890035		2,880,000.00	536,542,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DO THU TRANG MSSV 390423 NOP HP KY 2 NH 2015-2016	121NT01160890006		3,420,000.00	539,962,610.00
29/03/2016	29/03/2016	VU THI PHUONG MSSV 392255 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160890007		2,880,000.00	542,842,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THUY DUONG NOP HOC PHI LOP CLC 39A-HOC KI II NAM HOC 2015-2016 MSSV: 390416	105NT01160890020		14,040,000.00	556,882,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM HOANG PHUONG ANH MSSV 391263 NOP HOC PHI KI II NAM 2 (2015-2016)	103NT01160890008		2,880,000.00	559,762,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THUY CHI MSSV 391757 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160890009		3,240,000.00	563,002,610.00

29/03/2016	29/03/2016	HOC PHI KY II-2016-NGUYEN THANH TUNG-MSSV: 372601	122NT01160890006		1,800,000.00	568,042,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HO VA TEN SINH VIEN : BUI DANG THU THUY, MA SINH VIEN 371356: NOP HOC PHI KY 2 NAM 4	421NT02160890001		380,000.00	568,422,610.00
29/03/2016	29/03/2016	LE THI THU MAI MSSV 390402 LOP 3904 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890040		3,600,000.00	572,022,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRAN THI THIN MSV 390406 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890041		3,600,000.00	575,622,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DINH THI NGOC ANH NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016 MSV 392354 ~NC:TP HA TINH - Nguoi chuyen: TP HA TINH	001CTD1160890629		2,160,000.00	577,782,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DINH KHANH LINH 380556 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890043		3,600,000.00	581,382,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THU THAO MSV 391428 NT HOC KI II NAM 2015-2016	120NT01160890044		2,880,000.00	584,262,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN HONG NHUNG MSSV 391426 NT HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01160890045		3,600,000.00	587,862,610.00
29/03/2016	29/03/2016	do Nam Quyen nop hoc MSV 390326, lop 03 khoa 39. khoa luat~NC:do Nam Quyen - Nguoi chuyen: do Nam Quyen	001CTD1160890607		3,060,000.00	590,922,610.00
29/03/2016	29/03/2016	LE THI THU TRANG MSV 372402 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890047		1,800,000.00	592,722,610.00
29/03/2016	29/03/2016	VU THU HUONG MSV 380250 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890048		3,600,000.00	596,322,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRIEU THI LAN MSV 371312 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890049		1,620,000.00	597,942,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI THU PHUONG MSSV 382615 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160890013		2,700,000.00	600,642,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HOANG DO KHANH LINH MSSV:371234- KHOA K37 NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	102NT01160890008		720,000.00	601,362,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI NAM.MSSV:360765.NOP HOC PHI	120NT01160890051		1,620,000.00	602,982,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THANH XUYEN MSSV 371454 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160890014		360,000.00	603,342,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRUONG NGOC HOA MSSV 392744 NOP HOC PHI	120NT01160890054		2,160,000.00	605,502,610.00
29/03/2016	29/03/2016	HOANG THU HUYEN MSV380143 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015 2016 ~NC:MA SV380143 DT 0948460435 - Nguoi chuyen: MA SV380143 DT 0948460435	001CTD1160890700		3,600,000.00	609,102,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THI HONG GAM MSSV 391822 LOP 3918 KHOA LUAT NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	113NT01160890013		3,600,000.00	612,702,610.00

29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI TAM MSV 392358 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890060		2,000,000.00	618,022,610.00
29/03/2016	29/03/2016	VU THI LAN MSV 371902 LOP 19 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890061		1,080,000.00	619,902,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THU THAO MSV 390259 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160890062		3,240,000.00	623,142,610.00
29/03/2016	29/03/2016	NGUYEN THI MY HANG-MSSV: 392630.NOP HOC PHI	120NT01160890064		2,160,000.00	625,302,610.00
29/03/2016	29/03/2016	PHAM THI THU HIEN.MA SINH VIEN: 392357.NOP TIEN HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120CT01160890005		2,160,000.00	627,462,610.00
29/03/2016	29/03/2016	TRAN THI CHANG.MSV:390256.NOP HOC PHI	120NT01160890065		3,420,000.00	630,882,610.00
29/03/2016	29/03/2016	DANG THI NGOC ANH.MSSV:371122.NOP HOC PHI	120NT01160890066		2,160,000.00	633,042,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM VUONG THU DA MSSV 350403 NOP HP KY 2 NH 2015-2016	121NT01160900002		1,440,000.00	634,482,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN NGOC HA MSSV 370277 NT HOC PHI	105NT01160900004		720,000.00	635,202,610.00
30/03/2016	30/03/2016	VU HAI ANH MSSV 390628 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160900002		3,600,000.00	638,802,610.00
30/03/2016	30/03/2016	SINH VIEN:BUI THI CAM VAN-MSSV:382155 NOP HOC PHI	410NT02160900001		3,240,000.00	642,042,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI THU HA NT HP KI 2 NAM HOC 2015-2016 MSSV 371725	105NT01160900005		900,000.00	642,942,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THAI NINH NT HOC PHI KY II NAM 3 CHO SINH VIEN NGUYEN THAI NINH-MSSV:381048-LOP 3810	100NT01160900004		3,600,000.00	646,542,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THI THU HANG NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2016 MSSV 381425	320NT02160900001		3,420,000.00	649,962,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TC:D32300006.nguyen viet linh-370975-nop hoc phi hoc ky II nam hoc 2015-2016~NC:NGUYEN VIET LINH 01663550758 - Nguoi chuyen: NGUYEN VIET LINH 01663550758	001CTD1160900122		3,060,000.00	653,022,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THI THUY HANG MSSV 392755 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160900003		2,160,000.00	655,182,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI YEN MSV 390149 NT	120NT01160900005		3,060,000.00	658,242,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRINH THI ANH NGOC 390130 NT HP	120NT01160900006		3,420,000.00	661,662,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN TUAN ANH MSSV 381639 NT HP	120NT01160900007		3,060,000.00	664,722,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NONG THI HUYEN MSV 381017 NT HP	120NT01160900008		3,060,000.00	667,782,610.00
30/03/2016	30/03/2016	DO THANH BUT MSV 371978 NT	120NT01160900009		1,440,000.00	669,222,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI HOA NHAI MSV 380126	120NT01160900010		3,600,000.00	672,822,610.00

		371438 NT				
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN NHUNG MY HUYEN NT HOC PHI. MSSV: 391566 NGUYEN NHUNG MY HUYEN	100NT01160900006		2,880,000.00	677,142,610.00
30/03/2016	30/03/2016	DAO NGUYEN NGOC TRAM ANH MSV 372365 NOP TIEN HK 2 NAM THU 4	121NT01160900005		1,800,000.00	678,942,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NONG THI THE MSSV 371922 NT HOC PHI	102NT01160900003		720,000.00	679,662,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRAN THI HUYEN MSV 371661 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900015		1,800,000.00	681,462,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LE KHAC THANH MSV 380912 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900016		3,600,000.00	685,062,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI KHANH NHUNG MSV 381219 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900017		3,420,000.00	688,482,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HA THI TRUNG MSV 391507 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900018		3,600,000.00	692,082,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LE NGOC THANH MSV 382717 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900019		2,700,000.00	694,782,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LO THI KIEU LINH MSV 390552 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900020		3,060,000.00	697,842,610.00
30/03/2016	30/03/2016	AN KIEU LOAN MSV 390502 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900021		3,240,000.00	701,082,610.00
30/03/2016	30/03/2016	DANG THI CAM TU MSV 372526 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900022		1,800,000.00	702,882,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN PHUONG THAO MSV 372528 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900023		1,800,000.00	704,682,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THU HUONG MSV 392346 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900024		2,160,000.00	706,842,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THUY DUNG MSV:391850 NT THU HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	123NT01160900003		2,880,000.00	709,722,610.00
30/03/2016	30/03/2016	DAO VIET HA MSSV 381756 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160900004		3,600,000.00	713,322,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THI PHUONG DUNG MSSV 390142 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160900005		3,240,000.00	716,562,610.00
30/03/2016	30/03/2016	MAI THUY LINH.MSSV:392040 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900028		2,880,000.00	719,442,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRAN TRUNG DUC.MSSV:402114.NOP TIEN HOC PHI	120CT01160900001		4,860,000.00	724,302,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM HONG DUC MSSV 380146 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160900006		3,420,000.00	727,722,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAN THI HUE QUYNH.MSSV: 392317.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900030		2,880,000.00	730,602,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAN THI HOA MSSV 391118 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160900007		3,420,000.00	734,022,610.00

30/03/2016	30/03/2016	TRAN NHAT PHUONG MSSV 381751 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT011609000039		3,240,000.00	759,242,610.00
30/03/2016	30/03/2016	VU THI HONG HANH MSSV 390144 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT011609000010		3,240,000.00	742,482,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRAN KHANH LINH.MSSV:392324 NOP TIEN HOC PHI	120NT011609000031		2,880,000.00	745,362,610.00
30/03/2016	30/03/2016	DAO MINH HOANG.MSSV:381642 NOP TIEN HOC PHI	120NT011609000032		3,420,000.00	748,782,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI THANH HUYEN.MSSV:370973. NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016	120NT011609000033		1,620,000.00	750,402,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THI THANH HUYEN MSSV 391527 NT HOC PHI	120NT011609000034		3,420,000.00	753,822,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN VU THU HUYEN NT HOC PHI KY II NAM 2016	102NT011609000004		1,800,000.00	755,622,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN DAN PHUONG MSV 382363 NT	120NT011609000035		2,700,000.00	758,322,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HO PHUC HAI MSV 371736 NT	120NT011609000036		4,680,000.00	763,002,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THANH HUONG MSV 372546	120NT011609000037		1,800,000.00	764,802,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HO THANH BINH.MA SINH VIEN:381957 NOP TIEN HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT011609000038		3,060,000.00	767,862,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI NHAT LINH.MSSV:390527 NOP TIEN HOC PHI	120NT011609000039		3,600,000.00	771,462,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HOANG MINH TRANG MSV 402117 NOP TIEN HOC PHI KY II ~NC:THANH HA - Nguoi chuyen: THANH HA	001CTD1160900327		4,860,000.00	776,322,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TC:VNCN40513.Nguyen Hoang Thu Ha. Ma sinh vien: 372555~NC:NGUYEN HOANG THU HA - Nguoi chuyen: NGUYEN HOANG THU HA	001CTD1160900360		1,800,000.00	778,122,610.00
30/03/2016	30/03/2016	VU HOANG SON - MSV : 371824 NOP TIEN HOC PHI	270NT021609000002		1,620,000.00	779,742,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM MINH HOANG MSSV 371574 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT011609000011		2,520,000.00	782,262,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN PHUONG MAI MSV 382345 NOP TIEN HOC PHI~NC:NGUYEN THI THAO - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THAO	001CTD1160900429		6,450,000.00	788,712,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LOC THE ANH MSSV 370248 NOP HOC PHI KY II (NAM HOC 2015-2016)	103NT011609000013		720,000.00	789,432,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THU HA MSSV 391835 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT011609000014		3,600,000.00	793,032,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRINH THAO LY MSSV 381046 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT011609000016		3,420,000.00	796,452,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI HOAI MSV 391611 NT HOC PHI	120NT011609000043		3,240,000.00	799,692,610.00

30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THUY LAM MSSV 371929 KHOA 37 NT HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160900044		3,220,000.00	837,732,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRAN HUONG GIANG LOP 3818 MSV 381839 NOP HOC PHI	120NT01160900045		3,240,000.00	811,032,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THI MAI HUONG MSSV 391560 NT HOC PHI	120NT01160900046		3,240,000.00	814,272,610.00
30/03/2016	30/03/2016	BE VAN NAM MSSV 370239 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160900017		900,000.00	815,172,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LE VAN MINH MSSV 391825 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160900018		2,880,000.00	818,052,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN VAN LUC MSV 371457 NOP HOC PHI	120NT01160900047		1,260,000.00	819,312,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HA THI HA MSV 392034 NT HOC PHI	120NT01160900049		2,700,000.00	822,012,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LE THI PHUONG MSSV 371667 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160900019		1,980,000.00	823,992,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LE THI LAN HUONG MA SO SV 381103 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015 - 2016	120NT01160900052		3,420,000.00	827,412,610.00
30/03/2016	30/03/2016	VAN THI QUYNH ANH MA SSV 372846 NOP TIEN HOC	120NT01160900053		1,800,000.00	829,212,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI TRA VAN MSSV 380933 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900054		3,960,000.00	833,172,610.00
30/03/2016	30/03/2016	PHAM THI HUYEN MSSV 381247NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900055		3,420,000.00	836,592,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRIEU THI THAO MSSV 381867 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900056		3,600,000.00	840,192,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THI PHUONG LAN MSSV 371531 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900057		2,520,000.00	842,712,610.00
30/03/2016	30/03/2016	CAO THI HOAI MSSV 391624 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900058		3,420,000.00	846,132,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HA CAM THUONG MSSV 381205 NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015 - 2016	120NT01160900059		3,420,000.00	849,552,610.00
30/03/2016	30/03/2016	DANG THU PHUONG MSSV: 382120 NT HP HK2 NAM HOC 2015-2016	111NT01160900012		3,240,000.00	852,792,610.00
30/03/2016	30/03/2016	LE NGOC QUYNH MA SINH VIEN 371773 NOP TIEN HOC KY II NAM HOC 2015 - 2016	120NT01160900060		2,520,000.00	855,312,610.00
30/03/2016	30/03/2016	HA NGOC LONG MA SINH VIEN 381209 NOP TIEN HOC KI II NAM HOC 2015 - 2016	120NT01160900061		3,420,000.00	858,732,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN MAI HUONG MSSV 370804 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160900062		1,980,000.00	860,712,610.00
30/03/2016	30/03/2016	MSV 372462 - LOP 3724 - KHOA 37 KHOA PHAP LUAT KINH TE, NGUYEN THUY NGAN	002NP03160900001		1,800,000.00	862,512,610.00
30/03/2016	30/03/2016	NGUYEN THANH BINH MA SO 380348 NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015 2016~NC:NGUYEN VAN TOAN - Nguoi chuyen: NGUYEN VAN TOAN	001CTD1160900574		3,060,000.00	865,572,610.00
30/03/2016	30/03/2016	BUI CONG DUY LINH.MSSV:392950. NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015,2016	120NT01160900063		14,040,000.00	879,612,610.00

30/03/2016	30/03/2016	MA SO SINH VIEN:372835.NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01160900065		1,800,000.00	883,212,610.00
30/03/2016	30/03/2016	TRIEU THI DIEN.MA SO SV: 392808 NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016	120NT01160900066		2,160,000.00	885,372,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HO VA TEN SV: HOANG KY ANHMSSV: 380506~NC:HOANG KY ANH - Nguoi chuyen: HOANG KY ANH	001CTD1160910005		3,420,000.00	888,792,610.00
31/03/2016	31/03/2016	BUI THI MAI LINH MSSV 370940 NOP TIEN~NC:DO THI THUY HOAN - Nguoi chuyen: DO THI THUY HOAN	001CTD1160910041		360,000.00	889,152,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI THUY MSSV 372524 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910002		1,800,000.00	890,952,610.00
31/03/2016	31/03/2016	SV PHUNG VU HIEP MA SV 380567 NT HOC PHI HOC PHI HOC KY 2 N 2015 2016 ~NC:NGUYEN HAI NINH - Nguoi chuyen: NGUYEN HAI NINH	001CTD1160910103		4,141,000.00	895,093,610.00
31/03/2016	31/03/2016	SV PHAM THI NHUNG MSV 390201 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 2015 2016 ~NC:01632583633 - Nguoi chuyen: 01632583633	001CTD1160910104		3,600,000.00	898,693,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CT 01357002 NHTMCP Buu dien Lien Viet-CN Dong Do Vuong Thi Ngoc Diep_MSSV 392747_Hoc phi ky 2 nam 2~NC:VUONG TUAN ANH - Nguoi chuyen: VUONG TUAN ANH	001CTD1160910135		2,880,000.00	901,573,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HO VA TEN SINH VIEN: LE HUYEN ANH MSV 390136~NC:LE THI HUONG - Nguoi chuyen: LE THI HUONG	001CTD1160910151		3,780,000.00	905,353,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CAO THUY LINH MSSV 372627 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910003		1,800,000.00	907,153,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG HONG GIANG MSV: 371504 NT HP	120NT01160910004		3,060,000.00	910,213,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAM THAO NGUYEN MSSV 372664 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910004		1,800,000.00	912,013,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG NGHIA TRUNG MSV: 370232 NT HK II, 2015-2016	120NT01160910005		1,080,000.00	913,093,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU THI MINH MSV: 372827 NT HP	120NT01160910006		1,800,000.00	914,893,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSV: 372822 NT HP	120NT01160910007		1,800,000.00	916,693,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LUC THI LIEU MSV: 372820 NT HP	120NT01160910008		1,800,000.00	918,493,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI THUY DUNG MSV: 371348 NT HP	120NT01160910009		900,000.00	919,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN QUYNH TRANG-MSSV:372324. NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016	120NT01160910012		1,800,000.00	921,193,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DUONG THI LE. MSSV:370205.NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910014		1,800,000.00	922,993,610.00

31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN DINH THI LINH.MSSV:380537 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910016		3,420,000.00	928,213,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN HONG ANH.MSSV:372458 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910017		1,800,000.00	930,013,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THU THUY.MSSV:380544.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910020		3,420,000.00	933,433,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAM NGOC MINH CHAU.MSSV: 390956.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910021		3,240,000.00	936,673,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LY NGUYEN THU THUY: MSSV:370126.NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910022		900,000.00	937,573,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAN THI HUYEN.MSSV:371461. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910023		900,000.00	938,473,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI HAI YEN.MSSV:371456.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910024		900,000.00	939,373,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN MINH HA.MSSV:372734 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910025		1,800,000.00	941,173,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRUONG MAI SON.MA SINH VIEN:380408.NOP TIEN HOC PHI KY II.NAM HOC 2015-2016	120NT01160910026		3,240,000.00	944,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CT SV: CAO MINH DUC MA SO SV: 390839 LOP 3908~NC:NGUYEN THI THEM - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THEM	001CTD1160910374		3,240,000.00	947,653,610.00
31/03/2016	31/03/2016	luong hanh trang - 372117~NC:nguyen thi cam tu - Nguoi chuyen: nguyen thi cam tu	001CTD1160910383		1,800,000.00	949,453,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LE VAN HONG NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016 CHO SINH VIEN LE THI THANH PHUONG MA SV 392636	290NT02160910002		2,160,000.00	951,613,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016- HO TEN : DO CONG UY- MA SINH VIEN : 391750	103CT01160910003		3,420,000.00	955,033,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NoP HoC Phi SV GiaP MINH HUYEN. MSV 392311 LoP CLC~NC:DAM THI THUY TOAN - Nguoi chuyen: DAM THI THUY TOAN	001CTD1160910415		14,040,000.00	969,073,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TC:VNCN58763.Ho va ten : Vu Ha Phan, msv: 390265~NC:VU VAN LONG - Nguoi chuyen: VU VAN LONG	001CTD1160910418		3,240,000.00	972,313,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DINH THI THANH, NOP HOC PHI MA LOP 3805 MA SV 380525~NC:DINH THI THANH - Nguoi chuyen: DINH THI THANH	001CTD1160910421		3,420,000.00	975,733,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAN THU TRANG MSSV 392167 NT HOC PHI	120NT01160910029		3,240,000.00	978,973,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN HONG HANH MSV 391059 SDT 0963926016 NT HOC PHI KI II NAM 2015-2016	310NT02160910002		3,240,000.00	982,213,610.00

		372409 NT HOC PHI				
31/03/2016	31/03/2016	DOAN VAN QUYET 380922 NT	120NT01160910032		3,780,000.00	989,593,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU THI HOAI THU NOP HOC PHI KY II 2015-2016 MSSV: 372501 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160910010		1,800,000.00	991,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LE QUYNH ANH MSV: 391063 NT HP KII 2015-2016	120NT01160910033		2,520,000.00	993,913,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LY MAI HOA MSSV 370109 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910010		1,260,000.00	995,173,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI LINH GIANG MSV: 381946 LOP 19 NOP HOC PHI 20 TIN HOC KY II NAM 2015-2016	320NT02160910003		3,600,000.00	998,773,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LE THI TRANG MSSV 390930 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910013		2,880,000.00	1,001,653,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TA THI THAO MSSV 390923 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910014		2,880,000.00	1,004,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CAO THI KIM ANH MSSV 392840 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910015		2,880,000.00	1,007,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CAO THI CHAM ANH MSSV 392872 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910016		2,880,000.00	1,010,293,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI HUONG LAN MSSV 372303 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160910018		1,800,000.00	1,012,093,610.00
31/03/2016	31/03/2016	BUI THI THANH HUYEN MSSV 370104 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160910019		900,000.00	1,012,993,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI HONG LY MSV: 393022 NT HP	120NT01160910035		3,060,000.00	1,016,053,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DO THI THU AN MSV: 393014 NT HP	120NT01160910036		3,060,000.00	1,019,113,610.00
31/03/2016	31/03/2016	BUI MAI HUONG MSSV 390764 NOP TIEN HOC PHI: 3.240.000 Đ	120NT01160910037		3,240,000.00	1,022,353,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LY HUONG LINH MSSV 390303 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910020		3,060,000.00	1,025,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THANH TUNG MSSV 362059 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910038		5,000,000.00	1,030,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VUONG THI GAI MSSV 381963 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910039		3,600,000.00	1,034,013,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG THI HIEN MSSV 391732 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910040		3,600,000.00	1,037,613,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU SEO HOA MSSV 400141 NT HOC PHI	120CT01160910002		4,500,000.00	1,042,113,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN VAN NHAT MSSV 400117 NT HOC PHI	120CT01160910003		4,860,000.00	1,046,973,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN TUYET NHI MSSV 391453 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910021		3,060,000.00	1,050,033,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG THI GAM MSSV 371558 NT HOC PHI KI 2	105NT01160910022		1,080,000.00	1,051,113,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN MINH TUAN MSSV 381043 NT HOC PHI	120NT01160910041		3,420,000.00	1,054,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU THI HOAI THUONG MSSV 381050 NT HOC PHI	120NT01160910042		3,600,000.00	1,058,133,610.00

		NOI				
31/03/2016	31/03/2016	TRUONG THI VANG MSSV 372804 NT HOC PHI	120NT01160910045		1,800,000.00	1,061,733,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHI CONG MINH MSSV 372547 KHOA 37 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910046		1,800,000.00	1,063,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG THU HUONG MSV 401749 NOP HOC PHI KI II	120CT01160910004		4,860,000.00	1,068,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DANG THI PHUONG LAN MSSV 391519 NT HOC PHI	120NT01160910047		3,060,000.00	1,071,453,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU HOANG DUNG MSV 372152 NT HOC PHI	120NT01160910048		3,060,000.00	1,074,513,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN QUANG HUY MSSV 392145 NT HOC PHI	120NT01160910049		2,880,000.00	1,077,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI PHUONG HOA LOP 3924 MSV 392469 NT HOC PHI	120NT01160910050		1,440,000.00	1,078,833,610.00
31/03/2016	31/03/2016	Nop hoc phi (dao Duy hai) - MSSV 371928~NC:DAO THI HOA - Nguoi chuyen: DAO THI HOA	001CTD1160910754		2,700,000.00	1,081,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	SV:VU THI HUYEN TRANG MSSV :350635 NOHOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 10 TIN CHI	101NT01160910012		1,800,000.00	1,083,333,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAN THI MAI PHUONG MSSV 370101 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910023		360,000.00	1,083,693,610.00
31/03/2016	01/04/2016	THANH TOAN LAI	120VCARVND 00001		518,859.00	1,084,212,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI CONG MSV:392520; NGAY SINH:15/09/1996; LOP:3925-KHOA 39, NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160920001		2,160,000.00	1,086,372,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BUI THI PHUONG MSSV:371347 NOP HOC PHI	102NT01160920002		1,800,000.00	1,088,172,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI THUY MSSV 382331 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160920004		2,700,000.00	1,090,872,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HO THI THUY LINH MSSV 372359 NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016	102NT01160920003		1,800,000.00	1,092,672,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HOANG THI LIEN MSV:391719; NGAY SINH:23/09/1995; LOP:3917-KHOA 39; NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160920004		4,320,000.00	1,096,992,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI KIM NGAN MSSV: 372319 NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	102NT01160920004		1,800,000.00	1,098,792,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN PHUONG UYEN MSSV 381661 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160920008		3,420,000.00	1,102,212,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN THI THANH HOA MSSV 382858 NT HOC PHI	120NT01160920005		3,240,000.00	1,105,452,469.00
01/04/2016	01/04/2016	QUACH THI HIEN MSSV 391913 NT HOC PHI	120NT01160920009		3,600,000.00	1,109,052,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN XUAN PHUONG MSSV:372558 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160920010		1,800,000.00	1,110,852,469.00

		THANH HUYEN				
01/04/2016	01/04/2016	VU THI THU HANG MSV: 372428 NT HP	120NT01160920013		1,800,000.00	1,114,152,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DO TRA MY MSV: 392265 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920014		2,880,000.00	1,117,032,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VU THI NGOC ANH MSV: 392264 NT HP KY II 2015-2016	120NT01160920015		2,880,000.00	1,119,912,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VU THUY MAI MSV: 392263 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920016		2,880,000.00	1,122,792,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI PHUONG HOA MSV: 392469 NT HP	120NT01160920017		360,000.00	1,123,152,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI NHAT TAN MSV: 372807 NT HP	120NT01160920018		2,160,000.00	1,125,312,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA THI THUY MSV: 372808 NT HP	120NT01160920019		1,800,000.00	1,127,112,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DANG SON HAI MSV: 390848 NT HP	120NT01160920020		3,420,000.00	1,130,532,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VU HONG LOAN MSV: 370473 NT HP	120NT01160920021		900,000.00	1,131,432,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM THI NGUYET MSV: 370155 NT HP	120NT01160920022		1,260,000.00	1,132,692,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NONG THI YEN MSV: 371906 NT HP	120NT01160920023		540,000.00	1,133,232,469.00
01/04/2016	01/04/2016	THANG QUANG NGOC MSV: 372763 NT HP KII NAM 4	120NT01160920024		1,800,000.00	1,135,032,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DUONG THI THAI MSV: 371441 NT HP	120NT01160920025		1,800,000.00	1,136,832,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGO THI NGOC ANH MSV: 372811 NT HP	120NT01160920026		1,800,000.00	1,138,632,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TO MINH HUYEN MSV: 392270 NT HP	120NT01160920027		8,170,000.00	1,146,802,469.00
01/04/2016	01/04/2016	CHU HOAI THUONG MSV: 391867 NT HP	120NT01160920028		2,880,000.00	1,149,682,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRINH THE HUNG MSV: 372025 NT HP	120NT01160920029		1,980,000.00	1,151,662,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA THI THU HA MSV 372046 NT HP	120NT01160920030		360,000.00	1,152,022,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BUI CHINH TAM MSSV 382718 NOP TIEN HOC	120NT01160920031		2,700,000.00	1,154,722,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN THI VIET TRINH MSSV 372127 NOP HOC PHI	120NT01160920032		1,800,000.00	1,156,522,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DO THI BICH MSSV 351118 NT HOC PHI	120NT01160920034		1,260,000.00	1,157,782,469.00
01/04/2016	01/04/2016	CHUYEN TIEP NH TMCP BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO-HA TRINH PHUONG THAO, MSSV 380165~NC:TRINH PHUONG NGAN - Ngươi chuyen: TRINH PHUONG NGAN	001CTD1160920329		3,420,000.00	1,161,202,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HOANG THI QUYNH TRANG MSSV 392910 LOP 3929 NT HOC PHI HOC KKI 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01160920035		3,060,000.00	1,164,262,469.00
01/04/2016	01/04/2016	Nop hoc phi Sinh vien Mai Thanh Bach, ma sinh vien 382702~NC:Quach Thi Hong - Ngươi chuyen: Quach Thi Hong	001CTD1160920383		2,700,000.00	1,166,962,469.00

01/04/2016	01/04/2016	Pham Hong Ngoc 371324 nop tien hoc phi~NC:Pham Hong Ngoc - Nguoi chuyen: Pham Hong Ngoc	001CTD1160920464		1,620,000.00	1,171,642,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM THI ANH DAO (MSV: 392330) NOP HOC PHI HOC KI 2 NAM HOC 2015-2016	114g710160920001		2,800,000.00	1,174,442,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRINH THI LAI MSSV 391826 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160920009		3,240,000.00	1,177,682,469.00
01/04/2016	01/04/2016	CAM THI THUYNT HOC PHI MSSV:370819 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET -CN DONG DO~NC:CAM THI THUY - Nguoi chuyen: CAM THI THUY	001CTD1160920491		540,000.00	1,178,222,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI KHANH HANG MSSV: 371131 LOP 3711 KHOA 37 NOP HOC PHI KI II NAM 2015-2016	113NT01160920011		1,800,000.00	1,180,022,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI THU MSSV 370331 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160920010		1,440,000.00	1,181,462,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DANG THI TAM MSSV 371153 NOP HOC PHI KY II (2016-2017)	103NT01160920012		1,980,000.00	1,183,442,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VAN THUY LINH MSSV 372766 NT HOC PHI	120NT01160920040		1,800,000.00	1,185,242,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM DIEU HUONG MSSV 391369 NT HOC PHI	120NT01160920041		2,520,000.00	1,187,762,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HOANG THI KIM ANH MSSV 380463 NT HOC	120NT01160920042		3,420,000.00	1,191,182,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI THANH HANG MSSV 372760 NT HOC PHI	120NT01160920043		1,800,000.00	1,192,982,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DO THI QUYNH HOA MSSV 390668 NT HOC	120NT01160920044		3,600,000.00	1,196,582,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI DIEU QUYEN MSV 382208 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920046		3,240,000.00	1,199,822,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN VU DUC MSV: 372862 NT HP	120NT01160920047		1,800,000.00	1,201,622,469.00
01/04/2016	01/04/2016	TRAN TRAM ANH MSV 382139 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920048		3,240,000.00	1,204,862,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN SON HAI MSV 382645 NT HOC PHI KY 2 2015-2016	120NT01160920049		2,700,000.00	1,207,562,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN QUYNH ANH MSSV 371475 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920050		1,800,000.00	1,209,362,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HA KIEU ANH MSV 372211 NT HOC PHI	120NT01160920051		1,800,000.00	1,211,162,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VY THI KIEU DIEM MSV: 391407 NT HP	120NT01160920052		3,240,000.00	1,214,402,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN DIEU QUYNH MSV 372212 NT HOC PHI	120NT01160920053		1,800,000.00	1,216,202,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DUONG THI LANH MSV: 391410 NT HP	120NT01160920054		2,880,000.00	1,219,082,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN THI LAN MSV: 382414 NT HP	120NT01160920055		2,700,000.00	1,221,782,469.00
01/04/2016	01/04/2016	HO THI NGOC ANH MSV: 372533 NT HP K II 2015-2016	120NT01160920056		1,800,000.00	1,223,582,469.00

		390753 NT HP				
01/04/2016	01/04/2016	BE HUYEN TRANG MSV: 380609 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920059		3,420,000.00	1,232,582,469.00
01/04/2016	01/04/2016	MAI LINH CHI MSV: 382814 NT HP	120NT01160920060		2,700,000.00	1,235,282,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM THI DUNG MSV: 372404 NT HP	120NT01160920061		1,800,000.00	1,237,082,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGUYEN HUONG MI MSV: 382474 NT HP	120NT01160920062		2,700,000.00	1,239,782,469.00
01/04/2016	01/04/2016	VUONG ANH TU MSV: 372459 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920063		2,340,000.00	1,242,122,469.00
01/04/2016	01/04/2016	DAO VAN LUONG MSV: 392604 NT HP KII 2015-2016	120NT01160920064		2,160,000.00	1,244,282,469.00
01/04/2016	01/04/2016	BUI THI HA MSSV 402348 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160920067		4,860,000.00	1,249,142,469.00
01/04/2016	01/04/2016	NGO QUANG NGOC NT HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 MSSV 371817	105NT01160920018		360,000.00	1,249,502,469.00
01/04/2016	01/04/2016	PHAM VU NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 MA SV 371832	105NT01160920019		720,000.00	1,250,222,469.00
02/04/2016	02/04/2016	HA THI PHUONG LINH MSV 381315 NT HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01160930002		3,420,000.00	1,253,642,469.00
02/04/2016	02/04/2016	PHAM THI PHUONG ANH MSV 381320 NT HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01160930003		3,600,000.00	1,257,242,469.00
02/04/2016	02/04/2016	NGUYEN THANH LOAN MSV: 372325 NT HP	120NT01160930005		1,800,000.00	1,259,042,469.00
02/04/2016	02/04/2016	VU THI CHA LY MSV: 391606 NT HP	120NT01160930006		3,240,000.00	1,262,282,469.00
02/04/2016	02/04/2016	TRAN TRUNG KIEN MSSV 390566 NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01160930003		2,520,000.00	1,264,802,469.00
02/04/2016	02/04/2016	PHUNG MANH CUONG MSV: 382508 NT HP	120NT01160930010		2,700,000.00	1,267,502,469.00
Cộng doanh số Total				432,955,000.00	1,067,549,859.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,267,502,469.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **04/04/2016**

Printing date

From date To date

Mã khách hàng : **99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				1,662,302,791.00		
29/03/2016	29/03/2016	MUA GIAO TRINH~NC:TTAM GDTX - DH HUE - Nguoi chuyen: TTAM GDTX - DH HUE	001CTD1160890751		87,680,000.00	1,749,982,791.00
30/03/2016	30/03/2016	NTDT+KB:0011+NGAYNT:3003 2016+MST:0102666102+DBHC: 01TTT+TKNS:7111+CQT:10544 49+LTHUE:01(C:557-TM:1001-K T:01/2015-ST:397740785-GCH U:Nộp thuế TNCN năm 2015)	120THNS160900001	397,740,785.00		1,352,242,006.00
30/03/2016	30/03/2016	NTDT+KB:0011+NGAYNT:3003 2016+MST:0102666102+DBHC: 01TTT+TKNS:7111+CQT:10544 49+LTHUE:01(C:557-TM:1001-K T:01/2015-ST:397740785-GCH U:Nộp thuế TNCN năm 2015)	120THNS160900001	119,322.00		1,352,122,684.00
30/03/2016	30/03/2016	NTDT+KB:0011+NGAYNT:3003 2016+MST:0102666102+DBHC: 01TTT+TKNS:7111+CQT:10544 49+LTHUE:01(C:557-TM:1001-K T:01/2015-ST:397740785-GCH U:Nộp thuế TNCN năm 2015)	120THNS160900001	11,932.00		1,352,110,752.00
31/03/2016	01/04/2016	THANH TOAN LAI	120VCARVND 00001		1,348,051.00	1,353,458,803.00
Cộng doanh số Total				397,872,039.00	89,028,051.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,353,458,803.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát